TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 288/2022/HS-ST.
Ngày 11-07-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Danh

Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 285/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 06 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Quang C, sinh năm 1981 tại tỉnh N; Nơi cư trú: tổ 42, khu phố 4B, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Trần Đăng K (sinh năm 1940); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T (sinh năm 1940); Bị cáo có vợ là Mai Thị H, sinh năm 1984, đã ly hôn và có 03 con. Con lớn nhất SN 2006, con nhỏ SN 2019.

- Tiền án: Năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong hình phạt tù treo, chưa thực hiện đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/09/2020 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 38/QĐ-TA ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị cáo bị bắt ngày 22/4/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 6, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Anh Hoàng Bá N, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 13, khu phố 3, phường H, thành phố B, Đ.

3. Anh Đào Văn T, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 18, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

4. Anh Phạm Đại D, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Văn Hoàng P, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 42, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1940. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 42, khu phố 3, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

3. Anh Đặng Duy Đ, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: 94C, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo C muốn có tiền tiêu xài cái nhân và sử dụng trái phép chất ma túy nên đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Vào khoảng 08 giờ ngày 19/05/2019, C đi đến trung tâm phòng chống HIV thuộc khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đ thì gặp đối tượng tên T là bạn quen biết ngoài xã hội của C. T rủ C đi trộm cắp tài sản, C đồng ý. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 60F4-6797 chở T đi theo sự chỉ dẫn của T. Khi đi đến một ngôi nhà của anh Bùi Quang Q đang xây dựng thuộc tổ 6, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ thấy không có người trông coi. T nói C dừng xe, C cùng T sử dụng kìm cắt đứt dây kẽm hàng rào đi vào bên trong lấy trộm một cuộn kẽm buộc trọng lượng 20Kg, 01 (một) máy cắt sắt không rõ nhãn hiệu, model, 01 (một) máy duỗi sắt không rõ nhãn hiệu, model của anh Bùi Văn Q và anh Hoàng Bá N. Sau đó C chở T mang cuộn kẽm buộc bán cho một cửa hàng thu mua phế liệu trên đường Đồng Khởi thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đ được 90.000đ (chín mươi nghìn đồng) rồi C tiếp tục chở T mang theo máy cắt sắt, máy duỗi sắt trộm được đi bán tại một tiệm điện máy cơ khí thuộc phường H, thành phố B, tỉnh Đ được 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền có được T sử dụng mua ma túy rồi cùng C sử dụng hết. Vật chứng vụ án gồm: 01 cuộn kẽm buộc có trọng lượng 20kg là tài

sản của anh Bùi Văn Q,bị C và đối tượng tên T trộm cắp mang đi bán, C không xác định được chính xác địa điểm đã bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được. 01 (một) máy cắt sắt không rõ nhãn hiệu, model, 01 (một) máy duỗi sắt không rõ nhãn hiệu, model là tài sản của anh Hoàng Bá N,bị C và đối tượng tên T trộm cắp mang đi bán, C không xác định được chính xác địa điểm đã bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 60F4-6797, Trần Quang C mượn của bà Nguyễn Thị T là mẹ của C, sau đó C sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản bà T không biết, qua xác minh chiếc xe trên do anh Đặng Duy Đ đứng tên chủ sở hữu, anh Đ cho biết chiếc xe trên anh bị mất trộm vào khoảng tháng 5/2019. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tiếp nhận nguồn tin do anh Đạt cung cấp, xác minh thông tin và trả lại cho anh Đạt. Bản kết luận định giá số 255/TCKH-HĐĐG ngày 04/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B xác định, 20kg kẽm buộc trị giá 400.000 (bốn trăm nghìn đồng) 01 máy cắt sắt, 01 máy duỗi sắt không rõ nhãn hiệu, Hội đồng định giá thống nhất không định giá.

- Về dân sự: Các bị hại anh Bùi Văn Q và anh Hoàng Bá N không yêu cầu bồi thường.

- Lần thứ 2: Khoảng 06 giờ ngày 08/10/2019 Trần Quang C một mình điều khiển xe mô tô gắn biển số 60T9-6865 có số máy VMSB8A-011089, số khung RLGSB 10AH 011089 đi đến Công trường xây dựng tại địa chỉ tổ 6, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ do anh Đào Văn T đang nhận xây dựng, thấy không có người trông coi, Q dựng xe ở phía ngoài rồi đi vào trong công trình sử dụng một mỏ lết mang theo tháo 01 (một) mô tơ của máy trộn bê tông bỏ lên xe chở về nhà cất giấu, sau đó quay lại lấy trộm thêm một bộ chân giàn giáo mang về nhà rồi điều khiển xe mô tô chở tài sản trộm được mang đến cửa hàng cơ khí tại địa chỉ tổ 42, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ bán cho anh Văn Hoàng P được 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), còn bộ chân giàn giáo Q bán cho một người thu mua phế liệu dạo được 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền có được C tiêu xài hết.Anh Đào Văn T sau khi phát hiện mất tài sản đã đến Công an phường T trình báo và cung cấp 01 USB chứa dữ liệu hình ảnh đối tượng đã trộm cắp tài sản. Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) mô tơ của máy trộn bê tông nhãn hiệu KNC, loại 2HP-4P là tài sản của anh Đào Văn T, bị C trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho anh T. 01 (một) bộ chân giàn giáo xây dựng làm bằng sắt là tài sản của anh Đào Văn T, bị C trộm cắp sau đó bán cho một người thu mua phế liệu dạo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được. 01 chiếc mỏ lết C mang theo sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đang tạm giữ. 01

(một) xe mô tô kiểm dáng Dream được gắn biển số 60T9-6865, có số khung RLGSB10AH9H011089, số máy VMSB8A011089, C mua của một người không rõ nhân thân lai lịch, khi mua không có giấy đăng ký, không làm giấy tờ mua bán, sau đó C sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đang tạm giữ. Bản kết luận định giá số 606/KL-HĐ ĐGTS ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B xác định, 01 (một) mô tơ của máy trộn bê tông nhãn hiệu KNC, loại 2HP-4P, 01 (một) bộ chân giàn giáo xây dựng làm bằng sắt có tổng trị giá 1.768.200 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm đồng).

- Về dân sự: Người bị hại anh Đào Văn T đã nhận lại chiếc mô tơ của máy trộn bê tông nhãn hiệu KNC, loại 2HP-4P đối với bộ chân giàn giáo không thu hồi được anh T yêu cầu bồi thường theo giá trịnh định giá là 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Anh Văn Hoàng P, tự nguyện giao nộp 01 (một) mô tơ của máy trộn bê tông nhãn hiệu KNC, loại 2HP-4P, không yêu cầu bồi thường.

- Lần thứ 3: Vào khoảng 03h15 phút, ngày 27/7/2020, C sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter không gắn biển số, số máy: 52FMH - 402053, số khung: UM8B- 000053 đi một mình đến Cửa hàng vật liệu xây dựng Quang Thắng tại địa chỉ tổ 42, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, C thấy có bàn ghế nhựa bán đồ ăn đêm của anh Phạm Đại D, sinh năm 1982, được xếp phía trước cửa hàng, không có người trông coi. C đi vào lấy trộm 01(một) bàn Inox kích thước 50cm x 90 cm x 40cm và 26 chiếc ghế nhựa, kích thước 29 x 29 x26cm đưa lên xe chở đi tiêu thụ.Khi đến đoạn đường Phạm Văn Khoai, thuộc tổ 6, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, thì bị tổ phòng chống tội phạm của phường T phát hiện giữ lại giao cho Công an phường T và Công an phường T phối hợp xử lý, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo quy định. Vật chứng vụ án gồm: 01(một) bàn Inox kích thước 50cm x 90 cm x 40cm và 26 chiếc ghế nhựa, kích thước 29 x 29 x26cm là tài sản của anh Phạm Đại D, bị C trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu giữ trả lại cho anh D. 01 (một) xe mô tô không gắn biển số, số máy: 52FMH - 402053, số khung: UM8B- 000053, Cường sử dụng làm phương tiền đi trộm cắp tài sản, qua tra cứu thông tin tại Đội Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ không tìm thấy dữ liệu thông tin phương tiện trên. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đang tạm giữ. Bản kết luận định giá số 356/KL-HĐ ĐGTS ngày 12/07/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: 01 (một) bàn inox và 26 chiếc ghế nhựa trị giá 858.800 đồng (Tám trăm năm mươi tám nghìn tám trăm đồng).

- Về dân sự: Ngươi bị hại anh Phạm Đại D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số 302/CT-VKSBH ngày 22/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần Quang C về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo 12 đến 14 tháng tù giam.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Quang C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận bị cáo C đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại là anh Bùi Văn Q, anh Hoàng Bá N, anh Đào Văn T, anh Phạm Đại D có tổng trị giá tài sản là 3.027.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố bị cáo về tội: "trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, tài sản hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Cần có mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo có 01 tiền án. Phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS .Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn Q, anh Hoàng Bá N, anh Phạm Đại D không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng anh Đào Văn T yêu cầu bồi thường bộ chân giàn giáo có giá trị định giá là 420.000đ .

[6] Vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mỏ lết C mang theo sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Trần Quang C** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Xử phạt bị cáo **Trần Quang C** 01 (một) năm tù giam**.** Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2022.

2.Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc mỏ lết của bị cáo Trần Quang C dùng vào việc phạm tội. (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/07/2022. giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).*

3.Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 468 ,Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Quang C phải bồi thường cho Đào Văn T 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án Phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Trần Quang C phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST

Bị cáo Trần Quang C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn Q, anh Hoàng Bá N, anh Phạm Đại D anh Đào Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo, bị hại, (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Vinh